TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HS-ST
Ngày: 14-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Lê D Phương** và ông **Trịnh Ngọc Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trương Hoàng Tuấn -** Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tấn Đ (tên gọi khác: T), sinh năm 1990, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 6, xã C, huyện P, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Anh D, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; anh chị em: có 04 người, bị cáo là con thứ 2; có vợ là Trần Thanh Tr, sinh năm 1997 (đã ly hôn) , có 01 người con tên Nguyễn Thị Như Ý sinh năm 2015.

Tiền án: 01 tiền án, ngày 08/4/2016 Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xử phạt 04 năm tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành hình phạt xong ngày 18/9/20218; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện tạm giam từ ngày 17/4/2019 đến nay (có mặt).

Nhân thân: Ngày 23/8/2011, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí minh xử phạt 02 năm tù về tội gây rối trật tự công cộng, chấp hành xong hình phạt ngày 07/11/2012.

2. Nguyễn Thị Hồng L(tên gọi khác: B), sinh năm 1995, tại Bình Phước.

Nơi cư trú: Ấp 8, xã G, huyện Q, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L1, sinh năm 1954 và bà Đinh Thị L2 (đã chết); anh chị em: bị cáo là con duy nhất; chưa có chồng con;

Tiền án: 02 tiền án:

Ngày 09/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xử phạt 08 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 28/6/2016;

Ngày 09/02/2018, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 21/10/2018;

Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 11/4/2019 đến nay. (Có mặt)

Bị hại:

1. Ông **Nguyễn Hùng D1**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã C, huyện P, tỉnh N.

2. Ông **Mai Tiến D2**, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, xã Tr, huyện P, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà **Nguyễn Thị Phương L**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Cường, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn Đvà Nguyễn Thị Hồng Lcó quan hệ tình cảm với nhau và đều là các đối tượng có tiền án, nghiện ma túy và lười lao động do muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cụ thể.

Vụ án thứ nhất: Vào khoảng 14 giờ ngày 11/3/2019, Đ và L rủ nhau đi chơi, khi đi ngang qua nhà của ông Nguyễn Hùng D1 thuộc ấp 6, xã Tr, huyện P thì giữa Đ và L xảy ra mâu thuẫn nên Đ dừng xe lại và vào nhà của ông D1 chơi còn L thì điều khiển xe mô tô đi về. Khi Đ vào trong nhà của ông D1 thì thấy 01 xe mô tô biển số 60B3-470.84 dựng ở trong nhà và không có người trông coi, nên Đnảy sinh ý định trộm cắp. Để thực hiện ý định, Đ tìm kiếm và thấy chìa khóa và 01 điện thoại di động hiệu Nokia ở trên bàn thờ ở phòng khách, Đliền lấy điện thoại và chìa khóa xe, Đdùng chìa khóa mở cốp xe thì có 01 chiếc ví da bên trong có giấy đăng ký xe mô tô biển số 60B3-470.84 đứng tên Nguyễn Hùng D1. Đlấy đăng ký xe và dắt xe ra khỏi nhà, sau khi lấy trộm được xe và điện thoại di động của ông D1, Đ điều khiển xe đến tiệm cầm đồ Phương Lâm tại ấp Phú Cường, xã Phú Bình do bà Nguyễn Thị Phương L làm chủ cầm với số tiền 10.000.000đ, còn điện thoại di động Đbán cho 01 người không quen biết tại chợ Phương Lâm với giá 100.000đ, việc Đ trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Hùng D1 thì Lkhông biết, số tiền có được Đ tiêu xài cá nhân và mua ma túy về cùng Lsử dụng.

Tại kết luận định giá số 25/KL ngày 22/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú kết luận: Xe mô tô biển số 60B3-470.84, đã qua sử dụng có giá trị là 10.500.000đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia có gía trị là 100.000đ.

Ngoài ra để tiếp tục có tiền tiêu xài và thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy, Đ và L rủ nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vào khoảng 09 giờ ngày 08/4/2019, Đđiều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 49N2-3312 chở Lđi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi qua cửa hàng tạp hóa thuộc ấp Phú Thạch, Phú Trung, huyện Tân Phú của ông Mai Tiến D2, L và Đ dừng xe lại vào trong của hàng, Lquan sát thấy không có người trông coi nên Lnói với Đđứng ngoài cảnh giới để Lvào trộm cắp tài sản, Lmở bàn thu ngân lấy trộm được số tiền 1.700.000đ; 07 thẻ cào Viettel loại mệnh giá 100.000đ; 08 thẻ cào Vina phone loại mệnh giá 50.000đ; 10 thẻ cào Mobi phone loại mệnh giá 20.000đ, sau khi lấy được tài sản Đvà Lđiều khiển xe lên thị trấn Madaguôi, huyện Đạ Houai bán số thẻ cào cho 01 người phụ nữ tên Nguyên (không biết nhân thân, lai lịch), được số tiền 900.000đ. Số tiền có được Đ và L sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân.

Kết luận số 32/KL ngày 28/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú xác định; 07 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000đ, có giá trị 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng); 08 thẻ cào Vina phone mệnh giá 50.000đ, có giá trị 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng); 10 thẻ cào Mobi phone mệnh giá 20.000đ, có giá trị 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Vật chứng vụ án: Xe mô tô biển số 60B3-470.84 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Hùng D đã được trả lại cho chủ sở hữu; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia chưa thu hồi được, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú đã ra thông báo truy tìm, khi nào tìm được xử lý sau; số tiền 1.700.000đ và các thẻ cào điện thoại Đ, L đã bán và tiêu xài cá nhân hết nên không thu hồi được.

Xe mô tô biển số 49N2-3312 là cung cụ phương tiện phạm tội, nhưng chưa xác minh được chủ sở hữu, tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Hùng D1 đã nhận lại xe mô tô biển số 60B3-470.84, đối với điện thoại di động hiệu Nokia, không thu hồi được nhưng ông D không yêu cầu bồi thường thiệt hại; bị hại ông Mai tiến D2 yêu cầu các bị cáo Đ, L bồi thường số tiền 1.700.000đ và số thẻ cào đã chiếm đoạt theo như kết luận định giá tài sản, tổng số tiền là 3.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Phương L (chủ tiệm cầm đồ Phương L) yêu cầu bị cáo Đ phải hoàn lại cho bà số tiền 10.000.000đ.

Bản Cáo trạng số 65/CT-VKS-TP ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, truy tố bị cáo Nguyễn Tấn Đvề tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173; truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú phân tích dấu hiệu phạm tội, đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của

các bị cáo giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đđề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng L và đề nghị xử phạt bị cáo L mức hình phạt từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Đ, L phải bồi thường cho bị hại ông Mai Tiến D2 số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng), buộc bị cáo Nguyễn Tấn Đ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Phương L số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Ý kiến của người bị hại Nguyễn Hùng D1: Khoảng 14 giờ ngày 11/3/2019, ông cùng hàng xóm đi bắt cá, đến chiều về thì không thấy xe mô tô biển số 60B3-470.84 và điện thoại di động hiệu Nokia của ông đâu, sau đó ông được chị Lê Thị Thảo là hàng xóm cho biết lúc chiều có Nguyễn Tấn Đ vào nhà, ông liền qua gặp bà H (mẹ ruột của Đ) lấy số điện thoại của Đ để gọi điện nhưng Đ không nghe máy, ông nhờ chị Th nhắn tin qua số điện thoại Đức, sau đó có số điện thoại mà ông sử dụng bị mất cùng máy gọi lại cho ông nói là "mai con đem xe về cho chú" rồi tắt máy, không thể liên lạc lại được nên ông trình báo với chính quyền địa phương sự việc. Về trách nhiệm dân sự, ông đã nhận lại tài sản là xe mô tô biển số 60B3-470.84, đối với điện thoại di động hiệu Nokia tuy chưa nhận lại nhưng không yêu cầu gì khác, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Đ.

Quá trình điều tra bị hại ông Mai Tiến D2 có ý kiến như sau: Ông là chủ tiệm tạm hóa Liên Hùng, khoảng 11 giờ ngày 08/4/2019 ông đang làm việc ở phía sau nhà còn vợ ông thì nằm ngủ ở cạnh tủ thu ngân. Trong lúc này có 02 đối tượng gồm 01 nam 01 nữ vào tiệm trộm cắp tài sản của ông gồm tiền và card điện thoại. Nay ông yêu cầu Đ và L phải bồi thường cho ông số tiền bị mất là 1.700.000đ và số thẻ cào tương ứng với số tiền là 1.300.000đ, tổng số tiền là 3.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Phương L có ý kiến trong quá trình điều tra như sau: Bà là chủ tiệm cầm đồ Phương L, ngày 11/3/2019, bà nhận cầm cố của Nguyễn Tấn Đ xe mô tô biển số 60B3-470.84 với số tiền là 10.000.000đ. Khi nhận cầm cố thì bà có hỏi nguồn gốc xe mô tô trên thì Đ trả lời là xe mới mua chưa làm thủ tục sang tên và có đưa giấy tờ liên quan đến xe cho bà. Do đó bà tin tưởng nên đã nhận cầm cố xe trên nay bà yêu cầu Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Các bị cáo nói lời sau cùng như sau: Các bị cáo biết hành vi của mình là hành vi trái pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm về hoà nhập với cộng đồng và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Từ lời khai nhận tội của các bị cáo, ý kiến của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử xác định được diễn biến hành vi của các bị cáo thực hiện như sau: Vào khoảng 14 giờ ngày 11/3/2019, Nguyễn Tấn Đđã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe của mô tô biển số 60B3-470.84 có giá trị là 10.500.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia có giá trị là 100.000đ của ông Nguyễn Hùng D1, tổng giá trị tài sản Đ chiếm đoạt của ông Nguyễn Hùng D1 là 10.600.000đ. Tiếp đến vào khoảng 11 giờ ngày 08/4/2019, tại tiệm tạp hóa Liên Hùng của ông Mai Tiến D2 thuộc ấp Phú Thạch, xã Phú Trung, huyện Tân Phú Nguyễn Tấn Đvà Nguyễn Thị Hồng Lcó hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Mai Tiến D2 số tiền mặt là 1.700.000đ và 07 thẻ cào Viettel loại mệnh giá 100.000đ, có giá trị 700.000đ; 08 thẻ cào Vina phone loại mệnh giá 50.000đ, có giá trị 400.000đ; 10 thẻ cào Mobi phone loại mệnh giá 20.000đ, có giá trị 200.000đ. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.000.000đ.

Như vậy Nguyễn Tấn Đ đã có hành vi 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tổng giá trị là 13.600.000đ, Nguyễn Thị Hồng L lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 01 lần có giá trị là 3.000.000đ

Lời khai nhận tội của các bị cáo Đ, L trên đây là phù hợp với lời khai bị hại, phù hợp với Kết luận định giá, biên bản hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định, hành vi của bị cáo Đ thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá 13.600.000đ, đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng L là người có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản; 01 tiền án về tội lạm dụng tiến nhiệm chiếm đoạt tài sản nhưng chưa được xóa án tích mà tiếp tục tái phạm nguy hiểm, chiếm đoạt tài sản có giá trị là 3.000.000đ, đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Như vậy, Cáo trạng số 65/CT-VKS-TP ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú, truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho các bị cáo.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Việc đưa bị cáo ra xét xử hôm nay là cần thiết. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có thái độ chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ là người có tiền án, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục tái phạm và hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lcó 02 tiền án chưa được xóa án tích mà còn "tái phạm nguy hiểm". Tuy nhiên, đây là tình tiết định tội danh nên Hội đồng xét xử không xem đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với vụ án xảy ra vào ngày 08/4/2019, mang tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành nên vai trò của các bị cáo là như nhau. Do đó cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự để phân hóa hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Đối với xe mô tô biển số kiểm soát 60B3-470.84 đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Hùng D1. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú trao trả cho bị hại Nguyễn Hùng D1 là phù hợp với quy định của pháp luật; đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia của ông D1 hiện chưa tìm thấy, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú đã ra thông báo truy tìm vật chứng, khi nào được được sẽ xử lý sau; đồng thời bị hại D1 không có yêu cầu về bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại ông Mai Tiến D2 yêu cầu các bị cáo Đ, L phải liên đới bồi thường cho ông số tiền 3.000.000đ. Do các bị cáo Đ, L cùng gây thiệt hại cho ông Mai Tiến D2 nên phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông D2.

Đối với số tiền 10.000.000đ bị cáo Đ nhận từ tiệm cầm đồ Phương L, liên quan đến giao dịch dân sự cầm cố tài sản được xác lập giữa bị cáo và tiệm cầm đồ Phương

L (do bà Nguyễn Thị Phương L đứng tên trên giấy đăng ký kinh doanh) theo các hợp đồng cầm cố vào ngày 11/3/2019. Quá trình điều tra, bị cáo Đkhai khi giao kết hợp đồng, bị cáo đảm bảo các tài sản cầm cố là tài sản hợp pháp của bị cáo, có nguồn gốc rõ ràng, không phải là tài sản bị cáo chiếm đoạt của người khác, từ đó tiệm cầm đồ Phương L đồng ý giao kết hợp đồng. Giao dịch dân sự giữa các bên được giao kết do bị lừa dối nên vô hiệu, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Tài sản cầm cố đã được thu hồi trả cho bị hại, đối với số tiền bị cáo Đ đã nhận, cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Phương L là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và các điều 117, 122, 131, 309 và Điều 311 Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c, f khoản 1 Điều 23; khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và mức hình phạt của các bị cáo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 48; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Tấn Đ.

- Điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng L.

- Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, c, f khoản 1 Điều 23; khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn Đức, Nguyễn Thị Hồng L, phạm tội: "Trộm cắp tài sản";

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng các điều 117, 122, 131, 309 và Điều 311 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn Đ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Phương L (chủ hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Phương L) số tiền **10.000.000đ** (Mười triệu đồng).

- Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc các bị cáo Nguyễn Tấn Đức, Nguyễn Thị Hồng L phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Mai Tiến D số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng), trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Mai Tiến D2 số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thị Hồng L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đ phải chịu 575.000đ; bị cáo L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo (Đ, L); bị hại (ông Nguyễn Hùng D1) được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại (ông ông Mai Tiến D2); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà Nguyễn Thị Phương L) được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú;
- CQCSĐT Công an huyện Tân Phú;
- CQ THA hình sự Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Thị Thịnh